

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **668** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 20 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán một phần tiểu dự án hoàn thành Tiểu dự án:
Bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng dự án: Nâng cấp, mở rộng đường
Hồ Chí Minh (QL 14) - Địa điểm: Xã Đắk Găn, xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil,
tỉnh Đắk Nông; Lý trình: Km1806+500 đến Km1824+00 (gói BOT)
(Phần đã thực hiện theo đôi chiếu kho bạc đến ngày 05/01/2017)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 67/TTr-STC ngày 10 tháng 4 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán một phần tiểu dự án hoàn thành:

1. Tiểu dự án: Bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (QL 14) - Địa điểm: Xã Đắk Găn, xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông; Lý trình: Km1806+500 đến Km1824+00 (gói BOT) (Phần đã thực hiện theo đôi chiếu kho bạc đến ngày 05/01/2017).

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Đắk Mil.

* Đại diện chủ đầu tư: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil.

3. Địa điểm đầu tư: Xã Đắk Găn và xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2013 đến năm 2016.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	19.571.858.200	19.497.408.200	74.450.000
Từ Nhà đầu tư là Công ty TNHH đầu tư xây dựng lắp đặt công trình Toàn Mỹ 14, theo hình thức Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT)	19.571.858.200	19.497.408.200	74.450.000

Ghi chú: Số liệu đã thanh toán là 19.497.408.200 đồng (19.504.292.200 đồng - 6.884.000 đồng). Trong đó: Lũy kế số vốn đã thanh toán theo xác nhận của Kho bạc là 19.504.292.200 đồng; số tiền chưa quyết toán đợt này là 6.884.000 đồng.

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Tổng số	33.932.999.600	19.571.858.200
Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	33.932.999.600	19.497.408.200
Chi phí khác		74.450.000

Tổng số chi phí đầu tư được quyết toán (bằng chữ): Mười chín tỷ, năm trăm bảy mươi một triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm đồng.

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Thuộc Chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	19.571.858.200			
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	19.571.858.200			
- Tài sản ngắn hạn				

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	19.571.858.200	
Từ Nhà đầu tư là Công ty TNHH đầu tư xây dựng lắp đặt công trình Toàn Mỹ 14, theo hình thức Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT)	19.571.858.200	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 05/01/2017 (ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán) là:

- Tổng nợ phải trả : 74.450.000 đồng.
- Tổng nợ phải thu : 0 đồng.

(Có phụ lục chi tiết số 01 đính kèm).

c) Chịu trách nhiệm tính chính xác về số liệu, tính pháp lý của hồ sơ quyết toán, chứng từ đã cung cấp để thẩm tra quyết toán Tiểu dự án này.

d) Giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản của dự án tại cơ quan thanh toán, cho vay vốn theo quy định.

e) Tiến hành lập báo cáo quyết toán phần chưa được quyết toán và lập báo cáo tổng quyết toán dự án sau khi tiểu dự án hoàn thành (Có phụ lục chi tiết số 02 đính kèm).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: Đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn
UBND huyện Đắk Mil	19.571.858.200	0

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án, công trình hoàn thành này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Đắk Mil; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD, KTKH (Va).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bốn

Phụ lục số 01
CHI TIẾT CÁC KHOẢN CÔNG NỢ
 (Kèm theo Quyết định số 668 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Đồng.

Stt	Nội dung	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán	Công nợ	
				Nợ phải trả	Nợ phải thu
	Tổng số	19.571.858.200	19.497.408.200	74.450.000	
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	19.497.408.200	19.497.408.200		
1	Chi phí chi trả tiền bồi thường	17.748.361.000	17.748.361.000		
2	Chi phí thực hiện công tác BTGPMB	436.194.200	436.194.200		
3	Chi phí thực hiện công tác đo đạc	1.312.853.000	1.312.853.000		
II	Chi phí khác	74.450.000		74.450.000	
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	74.450.000		74.450.000	

Ghi chú: Số liệu đã thanh toán là 19.497.408.200 đồng (19.504.292.200 đồng - 6.884.000 đồng). Trong đó: Lũy kế số vốn đã thanh toán theo xác nhận của Kho bạc là 19.504.292.200 đồng; Số tiền chưa quyết toán đợt này là 6.884.000 đồng.

Phụ lục số 02
CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN
 (Kèm theo Quyết định số **668** /QĐ-UBND ngày **20** tháng 4 năm 2017 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Đồng.

Stt	Tên quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị đã phê duyệt	Giá trị quyết toán	Giá trị chưa quyết toán	Ghi chú
	Tổng	19.952.397.000	19.497.408.200	1.018.908.800	
1	224/QĐ-UBND ngày 04/4/2014	626.823.000	626.823.000		
2	267/QĐ-UBND ngày 10/4/2014	3.572.540.000	2.924.848.000	647.692.000	
	Hộ ông Phạm Văn Tinh	38.578.000		38.578.000	Đã chi trong QĐ725
	Hộ ông Phạm Khắc Chính, vợ Hòa Thị Thành	263.499.000		263.499.000	Đã chi trong QĐ725
	Hộ bà Phạm Thị Phương, chồng Nguyễn Đức Kỳ	67.347.000		67.347.000	Đã chi trong QĐ725
	Hộ ông Trần Văn Hùng, vợ Trần Thị Thơ	29.219.000		29.219.000	Đã chi trong QĐ725
	Hộ ông Trần Xuân Thanh, vợ Trương Thị Hòa	3.445.000		3.445.000	
	Hộ ông Vũ Văn Hợi , vợ Nguyễn Thị Hải	53.894.000		53.894.000	
	Hộ ông Hoàng Đình Tuấn, vợ Nguyễn Thị Nhật	178.163.000		178.163.000	Đã chi trong QĐ2049
	Hộ ông Phạm Văn Ký, vợ Nguyễn Thị Hương	13.547.000		13.547.000	
3	400/QĐ-UBND ngày 26/5/2014	682.560.000	665.511.000	17.049.000	
	Hộ ông Trần Văn Tuấn, vợ Nguyễn Thị Miên	694.000		694.000	
	Hộ ông Bùi Văn Hóa, vợ Ninh Thị Dung	133.000		133.000	
	Hộ bà Võ Thị Minh Thơ	1.860.000		1.860.000	



Đơn vị tính: Đồng.

Stt	Tên quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị đã phê duyệt	Giá trị quyết toán	Giá trị chưa quyết toán	Ghi chú
	Hộ ông Đỗ Thế Vinh	10.000		10.000	
	Hộ bà Nguyễn Thị Vân	168.000		168.000	
	Hộ ông Nguyễn Song Biểu, vợ Lê Thị Quế	125.000		125.000	
	Hộ ông Bùi Xuân Thái	250.000		250.000	
	Hộ ông Hà Văn Điều	5.187.000		5.187.000	
	Hộ ông Lưu Quý Dũng, vợ Nguyễn Thị Thu	117.000		117.000	
	Hộ ông Trần Văn Sinh	186.000		186.000	
	Hộ ông Đặng Văn Tiếp, vợ Phan Thị Minh	1.099.000		1.099.000	
	Hộ ông Đặng Văn Tuyền, vợ Trần Thị Chung	1.233.000		1.233.000	
	Hộ ông Nguyễn Văn Bình	186.000		186.000	
	Hộ ông Trần Văn Toàn, vợ Vũ Thị Anh	2.654.000		2.654.000	
	Hộ ông Hoàng Văn Phong, vợ Nguyễn Thị Thân	1.501.000		1.501.000	
	Hộ ông Hồ Hữu Trinh	950.000		950.000	
	Hộ ông Hiếu	696.000		696.000	
4	401/QĐ-UBND ngày 26/5/2014	5.023.276.000	4.914.039.000	109.237.000	
	Hộ ông Ngô Văn Hải, vợ Nguyễn Thị Liên	249.000		249.000	
	Đất rừng thông thuộc quản lý của UBND xã Đắc Gắn (ông Bùi Văn Dũng nhận trông coi)	8.358.000	8.100.000	258.000	
	Hộ bà Phạm Thị Mười	74.317.000	73.412.000	905.000	
	Hộ bà Trần Thị Lan, chồng Nguyễn Văn Cường	107.495.000		107.495.000	

Đơn vị tính: Đồng.

Stt	Tên quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị đã phê duyệt	Giá trị quyết toán	Giá trị chưa quyết toán	Ghi chú
	Hộ ông Phạm Văn Thạch vợ Nguyễn Thị Phương	330.000		330.000	
5	728/QĐ-UBND ngày 08/9/2014	835.999.000	806.791.000	29.208.000	
	Hộ ông Đặng Văn Tiếp, vợ Phạm Thị Minh	1.120.000		1.120.000	
	Hộ ông: Hà Văn Điều	647.000		647.000	
	Hộ ông Vũ Đức Văn, vợ Đinh Thị Mai	3.599.000		3.599.000	
	Hộ ông Nguyễn Đức Hào vợ Trần Thị Hiếu Hồng	425.000		425.000	
	Hộ ông Nguyễn Văn Phục, vợ Nguyễn Thị Cúc	11.379.000		11.379.000	
	Hộ ông Đinh Ngọc Thâm	8.115.000		8.115.000	
	Hộ ông Đỗ Ngọc Sơn, vợ Lại Thị Đào	3.923.000		3.923.000	
6	2040/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	60.238.000	60.238.000		
7	2048/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	18.611.000	18.611.000		
8	2049/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	349.161.000	514.438.000		Chi 178.163. 000 đồng của QĐ267 chưa chi
	Hộ ông Bùi Đình Hợp	27.614.000	14.728.000	12.886.000	
9	2050/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	206.190.000	206.190.000		
10	423/QĐ-UBND ngày 08/5/2015	95.710.000	95.710.000		
11	425/QĐ-UBND ngày 08/5/2015	62.143.000	62.143.000		

Đơn vị tính: Đồng.

Stt	Tên quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị đã phê duyệt	Giá trị quyết toán	Giá trị chưa quyết toán	Ghi chú
12	426/QĐ-UBND ngày 08/5/2015	437.811.000	437.811.000		
13	427/QĐ-UBND ngày 08/5/2015	657.280.000	650.396.000	6.884.000	
	+Chi phí lựa chọn nhà thầu	1.682.800		1.682.800	
	+Chi phí Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	1.918.584		1.918.584	
	+Chi phí Kiểm toán	3.231.298		3.231.298	
	+ Làm tròn số học			51.318	
14	548/QĐ-UBND ngày 28/5/2015	1.229.496.000	1.229.496.000		
15	642/QĐ-UBND ngày 01/7/2015	8.047.000	8.047.000		
16	644/QĐ-UBND ngày 01/7/2015	9.000.000	9.000.000		
17	720/QĐ-UBND ngày 15/7/2015	64.091.000	64.091.000		
18	725/QĐ-UBND ngày 16/7/2015	(284.161.000)	114.482.000		Chi 398.643.000 đồng của QĐ267 chưa chi
19	726/QĐ-UBND ngày 16/7/2015	115.000.000	115.000.000		
20	772/QĐ-UBND ngày 10/8/2015	79.010.000	79.010.000		
21	899/QĐ-UBND ngày 21/9/2015	872.307.000	872.307.000		
22	17/QĐ-UBND ngày 11/01/2016	925.241.000	925.241.000		
23	19/QĐ-UBND ngày 11/01/2016	418.856.000	418.856.000		
24	20/QĐ-UBND ngày 11/01/2016	1.929.617.000	1.929.282.000	335.000	

Đơn vị tính: Đồng.

Stt	Tên quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị đã phê duyệt	Giá trị quyết toán	Giá trị chưa quyết toán	Ghi chú
	Nguyễn Văn Bảy,	335.000		335.000	
25	184/QĐ-UBND ngày 20/3/2014	436.198.000	436.194.200	3.800	
	Các khoản chi khác	180.408.800	180.405.000	3.800	
26	1056/QĐ-UBND ngày 04/11/2015	208.500.000		208.500.000	
27	200/QĐ-UBND ngày 27/3/2014	1.312.853.000	1.312.853.000		